

Tình hình đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc

- **Lê Thị Hồng Minh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

- **Lee Kang Woo**

Trường Đại học Chungwoon, Hàn Quốc

TÓM TẮT:

Sau 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt-Hàn, Hàn Quốc trở thành nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, còn Việt Nam trở thành đối tác đứng thứ tư trong số các quốc gia mà Hàn Quốc đầu tư lớn nhất. Hiện có khoảng trên 135.000 người Hàn đang sinh sống tại Việt Nam, và trong số 123.000 người Việt Nam đang sống và làm việc tại Hàn, có gần 40.000 cô dâu Việt. Hiện, Hàn Quốc có 4 trường đại học có khoa hoặc bộ môn tiếng Việt hoặc Việt Nam học. Tỷ lệ sinh viên ngành Tiếng Việt và Việt Nam học ra trường tìm được việc làm rất

cao. Cung không đủ cầu. Tiếng Việt không chỉ là nhu cầu đối với những người Hàn Quốc làm ăn sinh sống ở VN, nhu cầu đối với những người quản lý và sử dụng nhân công Việt Nam tại Hàn Quốc, mà trong tương lai không xa, tiếng Việt sẽ là một nhu cầu không nhỏ đối với con em hàng chục nghìn gia đình Hàn-Việt. Bộ Giáo dục Hàn Quốc đã ra chủ trương từ năm 2014, tiếng Việt là một trong 8 ngoại ngữ thứ hai thi vào đại học. Chủ trương này đã đem đến cho tiếng Việt những cơ hội và triển vọng mới.

Từ khóa: đào tạo, tiếng Việt, tại Hàn Quốc, nhu cầu, triển vọng

1. Mở đầu

Sau hơn 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt - Hàn¹, Hàn Quốc trở thành nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, còn Việt Nam trở thành đối tác đứng thứ tư trong số các quốc gia mà Hàn Quốc đầu tư lớn nhất. Hiện có trên 135.000 người Hàn đang sinh sống tại Việt Nam, và trong số 123.000 người Việt Nam đang sống và làm việc tại Hàn Quốc, có gần 40.000 cô dâu Việt². Số cô dâu những năm gần

đây trung bình mỗi năm tăng 7.000 người. Từ 2012, Bộ Lao động Hàn Quốc chủ trương tuyển dụng thêm mỗi năm 15.000 lao động mới từ Việt Nam sang. Như vậy, theo tình hình chung, về cơ bản, số công dân của Việt Nam ở Hàn Quốc mỗi ngày mỗi tăng và số công dân Hàn Quốc ở Việt Nam cũng là một con số rất lớn. Nhịp cầu nối các mối quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao... và cả tình cảm, đó chính là ngôn ngữ.

Tiếng Việt không chỉ là nhu cầu đối với những người Hàn làm ăn, sinh sống ở Việt Nam mà còn là

¹ Chúng tôi tính từ khi Đại Hàn dân quốc và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thiết lập quan hệ đầy đủ ở cấp đại sứ tháng 12 năm 1992. Còn nếu tính cả quan hệ ngoại giao của Hàn Quốc với riêng Việt Nam Cộng hòa (miền Nam Việt Nam) trước đó, từ tháng 10/1955 đến 1975, thì thời gian này đã là hơn 40 năm.

² Trên trang web của Bộ Ngoại giao Việt Nam tại Hàn Quốc, tính đến cuối năm 2013, số người Hàn đang sống tại Việt Nam là 135.000 người. Một thông tin khác cho biết, tính đến đầu năm 2015, con số này đã tăng lên gần 140.000. Theo thống kê của Bộ tư pháp Hàn Quốc tại thời điểm ngày 26/3/2015, số người Việt Nam đang sống và làm việc tại Hàn Quốc là 122.744 người và số cô dâu Việt là 39.647 người (số liệu do Tổng Lãnh sự quán Hàn

Quốc tại Tp. Hồ Chí Minh cung cấp). Tuy nhiên, theo thông báo chính thức của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 08/12/2012, khi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh sang thăm Hàn Quốc, thì số cô dâu người Việt vào thời điểm đó đã là gần 50.000 người. Có sự khác nhau giữa 2 con số, theo chúng tôi, là do tiêu chí thống kê, bởi có một sự thực là, có một số cô dâu sau khi qua Hàn, đã li dị. Một số khác, nay đã có quốc tịch Hàn.

nhu cầu đối với những người quản lý và sử dụng nhân công Việt Nam tại Hàn Quốc. Trong tương lai không xa, tiếng Việt sẽ là một nhu cầu không nhỏ đối với con em hàng chục nghìn gia đình Hàn - Việt, mà số trẻ em ra đời trong những gia đình này tính đến cuối năm 2012 đã lên tới con số 35.000.

Quá trình đào tạo tiếng Việt và ngành Việt Nam học ở Hàn Quốc đã có một lịch sử gần 50 năm, nhưng có không nhiều bài viết về vấn đề này. Bài đầu tiên mà chúng tôi được biết là bài của GS TS. Kim Ki Tae “Về việc dạy và học Tiếng Việt tại Hàn Quốc” đăng trên Tạp chí “Ngôn ngữ”, số 2 /1996, của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia – Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội. Bài viết là một sự khảo sát khá tỉ mỉ về việc dạy và học tiếng Việt tại Hàn trong quá trình hơn 30 năm – từ khi lớp tiếng Việt đầu tiên ra đời (1965) cho đến thời điểm tác giả viết bài (1996). “Quá trình đó chịu sự chi phối khá mạnh của mối quan hệ giữa hai nước” (Kim Ki Tae) [2, tr. 60]. Dẫu chỉ dài 3 trang, bài viết của giáo sư Kim đã trình bày cặn kẽ về sự hình thành các lớp, các khoa tiếng Việt đầu tiên ở Hàn với thời gian, không gian, địa điểm, số lượng sinh viên, họ tên, học hàm, học vị của đội ngũ giáo sư, giảng viên tại Hàn cũng như các giáo sư, giảng viên được mời từ Việt Nam qua, và tình hình biên soạn giáo trình dạy tiếng Việt ở Hàn Quốc từ 1966 đến 1996 mà chủ yếu là từ sau năm 1992.

Bài viết thứ hai ra đời 10 năm sau đó, dài 16 trang của TS. Nguyễn Văn Phúc và GS. TS. Song Jeong Nam “*Tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc*”, đăng trong “*Việt Nam học và tiếng Việt*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Khoa tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Việt Nam học và tiếng Việt cho người nước ngoài, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2006.

Ngoài phần kế thừa công trình của người đi trước, bổ sung thêm một cách chi tiết về tình hình các khoa tiếng Việt tại Hàn trong 10 năm kế tiếp (1996-2006),

bài viết của giáo sư Song và tiến sĩ Phúc còn cung cấp một cái nhìn toàn diện, khái quát về quá trình hơn 40 năm hình thành, phát triển của ngành Việt Nam học và tiếng Việt tại Hàn với 3 giai đoạn: trước 1975, từ 1975-1992 và từ 1992 đến thời điểm bài viết ra đời (2006), quy mô, đội ngũ đào tạo, đặc biệt là nội dung và phương pháp đào tạo ngành Việt Nam học và tiếng Việt của các trường đại học. Đây thực sự là một bài viết công phu với sự khảo sát toàn diện cùng những nhận xét, đánh giá khá xác đáng về mỗi giai đoạn thăng trầm của quá trình đào tạo và phát triển của ngành Việt Nam học và tiếng Việt tại Hàn Quốc, trong mối quan hệ khăng khít với tình hình phát triển quan hệ ngoại giao, kinh tế, chính trị giữa 2 quốc gia.

Bài viết của chúng tôi là sự kế thừa 2 bài viết trên, đồng thời bổ sung thêm những diễn biến trong quá trình đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn từ năm 2006 đến nay. Do quá trình phát triển 40 năm đầu tiên đã có bài viết khá đầy đủ và chi tiết, đầy tâm huyết và giá trị khoa học của các giáo sư Kim Ki Tae, Song Jeong Nam và TS. Nguyễn Văn Phúc, nên chúng tôi không đi sâu vào giai đoạn đó, mà chủ yếu phản ánh về thực trạng và triển vọng của tình hình đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học trong bối cảnh hiện nay ở Hàn Quốc, với những sự kiện tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của ngành học này.

Bài này được chúng tôi thực hiện như một câu trả lời cho câu hỏi: “Trong khi mối quan hệ giữa Hàn Quốc và Việt Nam phát triển vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa, xã hội... thì việc đào tạo tiếng Việt ở Hàn Quốc có những chuyển biến gì?”

Để viết bài, ngoài tham khảo những tài liệu liên quan, chúng tôi còn thực hiện phỏng vấn các giáo sư của Khoa tiếng Việt Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (*Hankuk University of Foreign Studies - HUFS*) và Trường Đại học Ngoại ngữ Pusan (*Pusan University of Foreign Studies - PUFs*), Trường Đại học Chungwoon (*Chungwoon University - CWU*) cũng như các giáo viên của Khoa tiếng Việt Trường

Trung học phổ thông Ngoại ngữ Chungnam. Chúng tôi cũng tiến hành phát phiếu thăm dò ý kiến đối với các sinh viên của Khoa Tiếng Việt Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc và Khoa Việt Nam học của Trường Đại học Chungwoon. Ngoài ra, để có những tài liệu chi tiết của các khoa tiếng Việt và các trường đại học, chúng tôi còn tham khảo website Daehakalimi của Trung tâm Thông tin Đại học thuộc Hội Giáo dục và Đào tạo Đại học Hàn Quốc và homepage internet của các khoa và các trường.

2. Tình hình đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc

2.1. Sự ra đời của các Khoa Tiếng Việt, Khoa Việt Nam học và tình hình dạy và học tiếng Việt tại Hàn

Từ tháng 12 năm 1966, Hàn Quốc đã bắt đầu có Khoa Tiếng Việt, thành lập tại trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc ở Seoul³, khai giảng khóa đầu tiên tháng 3/1967 với 20 sinh viên. Trong 6-7 năm tiếp theo, mỗi năm, khoa tuyển được 50 người. Số sinh viên được tuyển vào khoa tăng nhanh là bởi có sự tham chiến của lực lượng binh sĩ Hàn Quốc tại Nam Việt Nam.

Khi Việt Nam có những biến động lớn về tình hình chính trị, “năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết, quân đội và các xí nghiệp Hàn Quốc rời khỏi Nam Việt Nam, Khoa Tiếng Việt HUFUS gặp nhiều khó khăn trong việc đào tạo”(Kim Ki Tae) [5, tr. 61], việc học tiếng Việt không còn được chú ý nhiều nữa.

Năm 1975, Việt Nam thống nhất. Do khác biệt về hệ thống chính trị, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã bị đóng băng. Từ năm 1975, mỗi năm, trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (*ĐHNN Hàn Quốc*) chỉ còn tuyển được 20 sinh viên.

Chỉ khi quan hệ 2 nước bắt đầu ấm dần lên, tiếng Việt mới được chú ý trở lại. Tháng 3/1991, tức 25 năm, kể từ ngày Hàn Quốc có Khoa tiếng Việt đầu tiên, thì Khoa Tiếng Việt thứ hai mới được thành lập tại trường Đại học Ngoại ngữ Pusan (*ĐHNN Pusan*), hàng năm tuyển 40 sinh viên. Riêng giai đoạn 2003-2010 tuyển 50 em⁴. Cũng từ năm 1991, số lượng sinh viên tuyển hàng năm của ĐHNN Hàn Quốc đã tăng lên là 30 người.

Năm 1992, Việt Nam và Hàn Quốc chính thức nối lại quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ, các quan hệ song phương không ngừng được thúc đẩy, phát triển, đặc biệt là các quan hệ kinh tế và văn hóa. Vì vậy, chỉ trong vòng 6 năm, đã có sự ra đời của Bộ môn Tiếng Việt ở Đại học Youngsan, thành phố Pusan với số sinh viên ban đầu là 30 – năm 1995, và Khoa Việt Nam học của Đại học Chungwoon, ở Chungnam với 40 sinh viên – năm 1998⁵.

Như vậy, từ năm 1998, Hàn Quốc đã có 4 trường đại học có Khoa Tiếng Việt hoặc Khoa Việt Nam học hay Bộ môn tiếng Việt đào tạo sinh viên chính quy. Giáo viên của các trường đào tạo tiếng Việt hoặc Việt Nam học chính quy hiện nay hầu hết đều có học hàm học vị giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ. Đội ngũ giáo viên thỉnh giảng, ít nhất, cũng có bằng thạc sĩ.

³ Khi đó, trường Ngoại ngữ Hàn Quốc còn đang là trường cao đẳng.

Nếu tính chính xác thì, theo GS TS. Kim Ki Tae, Hàn Quốc đã có lớp tiếng Việt đầu tiên từ tháng 1/1965 do Cơ quan Tình báo Quân đội Hàn Quốc (MIG) tổ chức cho 5 sĩ quan cấp úy, nhằm đào tạo họ trở thành giảng viên dạy tiếng Việt cho những quân nhân có nhiệm vụ phân tích tình hình chiến tranh ở Việt Nam. Cũng trong năm 1965, Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA) Hàn Quốc mở lớp đào tạo giảng viên tiếng Việt. Tháng 9/1966, Trường Huấn luyện CIA Hàn Quốc chính thức mở Khoa Tiếng Việt, khóa đầu (9/1966-3/1967) có khoảng 20 học viên, là nhân viên CIA và các sĩ quan quân đội thuộc nhiều binh chủng khác nhau. Khoa đào tạo được 2 khóa thì kết thúc hoạt động vào tháng 12/1967 [5, tr. 60].

⁴ Các thông tin về *HUFUS* và *PUFS* do giáo sư Jeon Hye Kyung, Trưởng Khoa Tiếng Việt, ĐHNN Hàn Quốc và giáo sư Bae Yang Soo, Trưởng Khoa Tiếng Việt, ĐHNN Pusan cung cấp.

⁵ Tiền thân của Bộ môn tiếng Việt ở Trường Đại học Youngsan là Khoa tiếng Việt của Trường Cao đẳng Ngoại ngữ Sungsim. Trường cao đẳng này sau sát nhập vào trường Đại học Youngsan, chuyển thành hệ 4 năm. Theo GS TS. Song Jeong Nam và TS. Nguyễn Văn Phúc, Khoa Tiếng Việt của Sungsim được thành lập tháng 12/ 1993, sau đổi tên thành Khoa Thương mại khu vực Việt Nam, mỗi năm tuyển sinh 80 sinh viên, thời gian đào tạo là 2 năm. Còn Khoa Việt Nam học của Đại học Xí nghiệp Chungnam có quyết định thành lập tháng 12/1997 và khai giảng khóa đầu tiên vào tháng 3/1998 [7, tr. 366]. Trường đại học này nay gọi là Đại học Chungwoon.

Bảng 1. Tình hình các Khoa tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc hiện nay

	ĐHNN Hàn Quốc	ĐHNN Pusan	ĐH Youngsan	ĐH Chungwoon
Khoa	Khoa Tiếng Việt	Khoa Tiếng Việt ⁶	Bộ môn Tiếng Việt	Khoa Việt Nam học
Năm thành lập	1967	1991	1995	1998
Vị trí	Seoul	Tp. Pusan	Tp. Pusan	Tỉnh Chungnam
Số sinh viên	30	40	30	40
Giáo viên	3 Hàn 2 Việt	3 Hàn 2 Việt	1 Hàn 1 Việt	4 Hàn 1 Việt

(Tham khảo website của 4 trường)

Ngoài các trường trên, còn có trường ĐH Liên hiệp ASIA, trong Khoa ASIA học, cũng có lớp dạy tiếng Việt với hình thức đào tạo không chính quy, số lượng sinh viên không ổn định [7, tr. 367-368]. Hiện nay, tại ĐH Quốc gia Seoul (Seoul National University) có một lớp học tiếng Việt. Rải rác tại một số trường đại học khác, chẳng hạn ĐH Goryeo (Korea University), cũng có lớp học môn tiếng Việt như một bộ môn tự chọn. Một số trường đại học của Pusan, trong khối đại cương, có môn tiếng Việt là môn tự chọn, nhưng việc tổ chức dạy ở các trường này không thường xuyên, năm có lớp, năm không, một phần do tuyển sinh, phần khác do không có đội ngũ giáo viên ổn định, vì các trường yêu cầu giáo sư giảng dạy phải là tiến sĩ. Còn ở ĐH Chosun thì có một số sinh viên Khoa Tiếng Anh chọn học tiếng Việt như ngoại ngữ thứ hai, và ở ĐH Kyung Sung cũng có một nhóm sinh viên học tiếng Việt, chủ yếu với mục đích qua Việt Nam thực tập trong các công ty thương mại.

⁶ Trước đây, Khoa Tiếng Việt của Đại học Ngoại ngữ Pusan là một khoa độc lập. Nhưng từ đầu năm 2015, Khoa Tiếng Việt đã gộp chung với các khoa tiếng Thái, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Myanmar, tiếng Malaysia-Indonesia... thành Khoa Đông Nam Á học (*Faculty of Southeast Asian Studies*), trong đó, tiếng Việt gộp với tiếng Campuchia thành một ngành của khoa này. Trong bài viết, chúng tôi vẫn gọi là “Khoa Tiếng Việt” do các cứ liệu được sử dụng cho bài này đều được lấy từ khi khoa còn mang tên là Khoa Tiếng Việt.

Bên cạnh hệ chính quy, Trường ĐHNN Hàn Quốc ở cả cơ sở 1 (tại Seoul) và cơ sở 2 (tại Yongin) đều có các lớp dạy tiếng Việt cho nhân viên các công ty Hàn Quốc theo đơn đặt hàng của các công ty. Các lớp này hoạt động quanh năm. Mỗi cơ sở có 2 giáo viên người Việt tham gia giảng dạy. Học viên cơ sở 2 phần lớn là nhân viên của Tập đoàn Samsung. Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á của Đại học Sokang hiện nay cũng có lớp dạy tiếng Việt, chương trình ngắn hạn 12 tuần 1 khóa.

Ngoài các trường đại học, hiện, tại Seoul có ít nhất 6 trung tâm ngoại ngữ của tư nhân có lớp dạy tiếng Việt: Usimedu, Eurasia, Romongtu (2 cơ sở), LABS, Shin Jung Seong... tập trung nhiều nhất ở khu Kangnam và Jungro. Pusan có vài trung tâm. Một số nơi khác, chẳng hạn Cheonan, trong Trung tâm giáo dục Shishajulkang, cũng có lớp tiếng Việt... Các trung tâm này thường mời học viên cao học người Việt tham gia giảng dạy. Học viên ở mỗi trung tâm có từ vài người đến dưới hai chục người, là nhân viên một số công ty hay những người muốn qua Việt Nam tìm cơ hội sinh sống và kinh doanh. Đôi khi là những sinh viên muốn luyện thêm tiếng Việt với người Việt.

Một số tổ chức tôn giáo như Đạo Tin lành, Nhân chứng Jehovah (Jehovah's Witness)... cũng tổ chức dạy tiếng Việt cho các nhà truyền giáo để truyền đạo cho cộng đồng người Việt. Các nhà truyền đạo này phần lớn có ý thức rất cao về một sứ mệnh thiêng liêng nên họ rất tự giác trong việc học tập. Nhiều người nói tiếng Việt khá tốt. Có người nói giỏi hơn cả sinh viên Khoa Tiếng Việt của các trường đại học. Một buổi sinh hoạt, học tập kinh thánh của họ có thể đến hơn 100 người tham gia, hoàn toàn sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, diễn giảng, thảo luận. Và họ học thêm tiếng Việt qua những buổi sinh hoạt này.

Trong các trường hiện nay, chỉ có ở ĐHNN Hàn Quốc, Khoa Đông Nam Á mới có học viên cao học học tiếng Việt. Các Khoa Tiếng Việt ở Hàn đều chưa có lớp đào tạo ở bậc cao học hay nghiên

cứu sinh tiến sĩ. Các sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, muốn học lên cao, đều phải sang Việt Nam.

Từ năm 2011, Hàn Quốc đã mở Khoa Tiếng Việt ở bậc trung học, dạy thí điểm ở trường Trung học Ngoại ngữ Chungnam, một trường của nhà nước. Đây là chủ trương của chính phủ trước thực tiễn tiếng Việt đang có nhu cầu cao tại Hàn. Năm đầu có 1 lớp chuyên ngữ chọn tiếng Việt là ngoại ngữ thứ nhất, và 1 lớp chọn tiếng Việt như ngoại ngữ thứ hai, mỗi lớp 25 em. Hiện nay, trường Trung học Ngoại ngữ Chungnam luôn có 6 lớp học tiếng Việt: hai lớp 10, hai lớp 11 và hai lớp 12, mỗi lớp 24 - 25 học sinh. Mỗi tuần, các em được học 5-8 tiết tiếng Việt. Việc dạy tiếng do 2 giáo viên người Việt và 2 giáo viên người Hàn đảm trách.

Đây là bước chuẩn bị để từ năm học 2014, tiếng Việt trở thành một trong 8 ngoại ngữ thứ hai thi vào đại học, bên cạnh tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc và tiếng Ả Rập. Tiếng Việt cũng là thứ tiếng đầu tiên trong các ngôn ngữ của các nước Đông Nam Á được đưa vào chương trình thi đại học ở Hàn. Ngay từ năm đầu tiên tổ chức thi, bộ môn tiếng Việt đã thu hút được 22.865 thí sinh tham gia (37,9%), đứng đầu trong khối ngoại ngữ thứ hai tự chọn. Kỳ thi tuyển sinh đại học cho niên khóa 2015, đã có 27.509 thí sinh dự thi môn tiếng Việt trên tổng số 63.225 thí sinh (43,51%), tiếp tục đứng đầu trong khối ngoại ngữ thứ hai. Việt Nam tuy không phải là một nước phát triển hay nước có diện tích lớn so với các nước khác, nhưng tiếng Việt đã được chọn như một trong 8 ngoại ngữ thứ hai ở Hàn Quốc. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa Hàn Quốc và Việt Nam đã và đang phát triển đến mức độ nào và được chính phủ Hàn Quốc quan tâm ra sao.

2.2. Nội dung chương trình và một số hình thức đào tạo, hoạt động

Về chương trình giảng dạy, các sinh viên được đào tạo các môn chuyên ngành về ngôn ngữ tiếng Việt và về khu vực học, mà chủ yếu là Việt Nam học, trong đó, ở trường ĐHNN Hàn Quốc, tỉ lệ này

là gần 4-1 (39/10), ở ĐHNN Pusan, tỉ lệ này cũng gần gấp đôi (27/15), ở Đại học Chungwoon, tỉ lệ này là 4-3 (24/18). Như vậy, tỉ lệ các môn khu vực học về Việt Nam tại Khoa Tiếng Việt của trường ĐHNN Hàn Quốc và Khoa Tiếng Việt của ĐHNN Pusan. Mục tiêu giáo dục của các trường là “đào tạo những nhà chuyên môn tinh thông về Việt Nam học và tiếng Việt”, “hiểu rõ về văn hóa Việt Nam”, “tinh thông về thương mại Việt Nam và thương mại quốc tế”.

Bảng 2. Những môn học trong các Khoa Tiếng Việt và Khoa Việt Nam học

Các môn học	Khoa Tiếng Việt ĐHNN Hàn Quốc	Khoa Tiếng Việt ĐHNN Pusan	Khoa Việt Nam học ĐH Chungwoon
Tiếng Việt	39	27	24
Khu vực học	10	15	18
Tổng cộng	49	42	42

(Tham khảo website của 3 trường)

Ở các trường như ĐHNN Hàn Quốc hay ĐHNN Pusan, mặc dù nội dung và khung chương trình đào tạo “thực chất là kết hợp giữa đào tạo tiếng Việt với Việt Nam học”[7, tr. 372], nhưng do đặc thù của trường là đào tạo ngoại ngữ nên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phát âm tiếng Việt được đặc biệt chú trọng. Chương trình của năm thứ nhất và năm thứ 2 chủ yếu dành cho việc học tiếng (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao cấp, hội thoại, nghe - hiểu, đọc - hiểu, ngôn ngữ...) và bước đầu học nhập môn văn hóa học, đến năm thứ 3, thứ 4 mới chính thức học các môn Việt Nam học. Cả 4 trường đại học đều là trường tư nên số lượng giáo viên cơ hữu có hạn. Tùy điều kiện cụ thể mà mỗi trường có những môn học phù hợp với chuyên môn và sở trường của các giáo sư trường mình. Ví dụ trường ĐHNN Hàn Quốc thì dạy Văn học Việt Nam, Lịch sử văn học Việt Nam, Văn học so sánh (Hàn Quốc - Việt Nam), Văn hóa so sánh, Lịch sử, Kinh tế, Chính trị, Thời sự Việt Nam, Thương mại và Dịch thuật... ĐHNN Pusan dạy những môn như Tìm hiểu Việt Nam, Tiếng Việt qua báo chí (chủ yếu là về kinh

tế), Tiếng Việt qua các thiết bị nghe nhìn, Tiếng Việt thương mại, Hội thảo Việt Nam học, Dịch thuật Việt - Hàn. Về văn hóa thì trường này có 2 môn đều là văn hóa so sánh. Đó là Nghiên cứu văn hóa Việt Nam (chủ yếu là so sánh văn hóa Hàn - Việt), và Miền Nam và miền Bắc Việt Nam (so sánh văn hóa và con người của 2 miền), trong khi đó, một vài môn khác lại ghép hai thành một. Ví dụ môn Văn học - Lịch sử Việt Nam, Nghiên cứu Kinh tế - Chính trị Việt Nam...

Ở ĐH Chungwoon, do chương trình đào tạo là Việt Nam học nên việc học tiếng Việt như một ngoại ngữ có số giờ khá khiêm tốn. Chủ yếu là các sinh viên được học về Việt Nam học giảng dạy bằng tiếng Hàn. Ngoài các môn dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, trường này còn dạy môn Tiếng Việt truyền thông, Văn hóa - Xã hội Việt Nam, Văn hóa - Xã hội Đông Nam Á, Thương mại và thực tiễn Việt Nam, Tình hình khu vực Đông Dương, Thực tiễn đầu tư tại Việt Nam, Tọa đàm (Seminar) về Việt Nam, Thực tập thực tế tại Việt Nam. Môn Chính trị, trường Chungwoon không dạy riêng, và cũng không dạy Kinh tế - Chính trị như trường Pusan mà dạy Chính trị - Ngoại giao, do trường có 1 giáo sư nguyên là bí thư thứ ba của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam trước đây giảng dạy... Trừ môn hội thoại các sinh viên được học bằng tiếng Việt, còn hầu hết các môn khác, các em học bằng tiếng Hàn, kể cả môn văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Vì vậy năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt của các em có phần hạn chế.

Một số sinh viên, khi được hỏi nguyện vọng, thì cho biết các em muốn nhà trường tăng số giờ dạy của môn Kinh tế, Thời sự, Ngoại giao, học nhiều hơn về nghiệp vụ kinh doanh, có thêm môn học về tìm hiểu thế giới, môn học liên quan đến hoạt động từ thiện và đa văn hóa, các em muốn biết nhiều hơn về lễ tiết của người Việt, về tình hình chính trị xã hội Việt Nam hiện đại, môi trường làm việc của các công ty và chiến lược đầu tư kinh doanh ở Việt Nam của Hàn Quốc... Một số sinh viên đề nghị

tăng số giờ học hội thoại và được học nhiều môn với giáo viên người Việt hoặc tăng số giờ đi thực tiễn ở Việt Nam do ở Hàn Quốc, các em không có nhiều cơ hội tiếp xúc với người Việt... Các sinh viên chuyên ngữ còn đề nghị tăng số giờ dạy các môn Nghe - hiểu, Phát âm, học thêm về sự khác biệt giọng nói, phương ngữ giữa ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam hoặc muốn được học tiếng Việt qua bài hát, qua phim ảnh có phụ đề...

Ngoài chương trình đào tạo trong nước, một số trường đại học của Hàn Quốc như ĐHNN Pusan, ĐH Chungwoon, v.v. còn liên kết với các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH & NV), Đại học Sư phạm (ĐHSP) của Hà Nội và của TP. Hồ Chí Minh để đưa sinh viên sang theo chương trình liên kết 2+2 (2 năm học ở Hàn Quốc, 2 năm học ở Việt Nam, nhận bằng đại học ở cả 2 trường) hoặc 3+1 (3 năm học ở Hàn Quốc, 1 năm học ở Việt Nam, nhận bằng đại học ở Hàn Quốc). Mục đích của chương trình này là vừa đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học, vừa giúp sinh viên tìm hiểu thực tế về môi trường xã hội Việt Nam, nắm bắt thị trường Việt Nam. Các chương trình này đã giúp sinh viên tăng cường khả năng giao tiếp rất rõ rệt. Ở ĐHNN Pusan, từ nhiều năm nay, chương trình liên kết 2+2 luôn có khoảng 50% sinh viên tham gia. Riêng năm 2014 có 58%. Sinh viên Pusan không học chương trình 3+1. Trường ĐH Chungwoon, chương trình liên kết 2+2 và 3 +1 từ năm 2006 - 2015 đã và đang có 123 em theo học.

Trường ĐHNN Hàn Quốc không có chương trình liên kết nhưng vẫn phối hợp với các trường ĐH KHXH & NV và ĐHSP ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh bố trí cho các sinh viên có thể đăng ký đi tự túc sang Việt Nam để học tiếng Việt trong 1 học kỳ hay 1 năm học. Thời gian này không tính vào thời gian học 4 năm của nhà trường. Nếu sinh viên qua Việt Nam học 6 tháng thì thời gian học ở đại học sẽ là 4 năm rưỡi, qua 1 năm thì thời gian là 5 năm. Dù là chương trình đi tự túc, nhưng có rất nhiều sinh viên tham gia.

Đại học Chosun thì tổ chức cho những sinh viên Khoa Anh chọn ngoại ngữ 2 là tiếng Việt qua Việt Nam học tiếng Việt một thời gian, sau đó chuyển sang học ở Khoa Anh, nhưng vẫn duy trì lớp tiếng Việt, để các em vừa có thể hiểu rõ tiếng Anh khi học với các giáo sư, giảng viên người Việt, vừa nắm chắc ngoại ngữ thứ 2.

Bên cạnh đó, các trường đều tổ chức cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, qua Việt Nam học tiếng Việt và đi du lịch từ 2 tuần đến 1-2 tháng trong kỳ nghỉ hè hoặc nghỉ đông. Một số trường đại học khác như ĐH Kyungsung cũng tổ chức cho sinh viên qua Việt Nam như vậy. Hầu hết, các em đều có ấn tượng rất tốt sau những chuyến đi này. Nhiều sinh viên đã có những tình cảm rất đặc biệt với Việt Nam, rất thích sự thân thiện của người Việt và các món ăn Việt.

Hàng năm, 4 trường đại học có Khoa Tiếng Việt lại có 1 lần tổ chức cho sinh viên tham gia thi nói tiếng Việt vào dịp cuối năm. Mỗi trường cử các sinh viên giỏi nhất đại diện cho Khoa tiếng Việt trường mình tham dự. Số người thi không hạn chế. Các cuộc thi này cũng góp phần kích thích sự giao lưu học hỏi của những sinh viên đầu đàn.

3. Đầu ra đầy hứa hẹn của các Khoa Tiếng Việt và Việt Nam học

Một trong những vấn đề lớn của các trường đại học trên thế giới là tìm đầu ra cho sinh viên. Điều này ảnh hưởng đến chiến lược phát triển giáo dục và quy mô từng ngành của mỗi trường.

Nhưng đối với ngành Việt Nam học ở Hàn Quốc hiện nay, đây lại là một thế mạnh. Bởi quan hệ hữu nghị Việt - Hàn đã được nâng tầm từ quan hệ “hợp tác toàn diện” lên thành quan hệ “đối tác hợp tác chiến lược” với nhiều chuyển thăm viếng của những người đứng đầu nhà nước và chính phủ hai bên. Tính đến tháng 8/2012, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn thứ hai trên tổng số 96 quốc gia đang đầu tư vào Việt Nam. Đến đầu năm 2015, Hàn Quốc đã vươn lên vị trí dẫn đầu, với 3920 dự án đầu tư của doanh nghiệp Hàn Quốc được cấp phép vào đầu tư tại Việt

Nam, và số vốn là 372 tỉ USD. Hàn Quốc hiện cũng là đối tác thương mại lớn thứ tư của Việt Nam (sau Trung Quốc, Mỹ, Nhật). Và, “Theo Cục đầu tư nước ngoài, hầu hết các tập đoàn doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc đã đầu tư và kinh doanh có hiệu quả tại Việt Nam, như Samsung, Kumho, GS, Posco, LG,CJ...”(Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, ngày 6/6/2012). Thị trường Việt Nam đang được xem là điểm đến đầu tư hấp dẫn. Tập đoàn Samsung có 8 nhà máy trên thế giới thì 2 trong số đó được xây dựng ở Việt Nam, Tập đoàn Daewoo có 3 nhà máy lớn... Và, như trên đã nói, số người Hàn Quốc đang sống và làm việc tại Việt Nam hiện đã trên 135 nghìn người. Số người Hàn qua lại Việt Nam hàng năm từ nửa triệu đã tăng lên 600 nghìn, rồi 780.000. Năm 2014 vừa qua là khoảng 860.000. Không chỉ các công ty có địa bàn hoạt động ở Việt Nam cần mà các công ty tuyển dụng người lao động Việt Nam tại Hàn Quốc cũng rất cần người biết tiếng Việt, am hiểu về văn hóa Việt. Ngoài nhu cầu cho các ngành kinh tế, thương mại, văn hóa, giáo dục, ngoại giao... tiếng Việt còn là nhu cầu cho một số nhà hoạt động xã hội. Bởi lẽ Hàn Quốc đang có 40 nghìn cô dâu người Việt nên có một số vấn đề xã hội nảy sinh, cần được xử lý, mà phần lớn là do bất đồng ngôn ngữ và khác biệt văn hóa. Ngoài ra, các nhà quản lý và hoạt động xã hội còn phải giải quyết một vấn đề nan giải là hiện có hơn 15 nghìn người lao động Việt Nam bỏ trốn khỏi các hợp đồng, đang sống bất hợp pháp trên đất nước Hàn và hiện có một số băng nhóm, tội phạm xã hội là người Việt.

Tiếng Việt không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp thiết của việc đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa hiện tại mà còn là một bước đón đầu của chính phủ Hàn Quốc. Hàng chục nghìn cô dâu người Việt, người Philipin, người Trung Quốc... với hàng chục ngàn gia đình đa văn hóa sẽ là một nguyên nhân xã hội có thể đưa đến hiện tượng song ngữ hoặc đa ngữ trong tương lai. Một ngày không xa, việc dạy tiếng Việt sẽ phải hướng tới đối tượng là con em các gia đình Hàn - Việt, mà con số các cháu bố Hàn mẹ

Việt hiện đã là 35.000, và còn tiếp tục tăng lên mỗi ngày. Chính sách giáo dục ngoại ngữ của chính phủ sẽ là một “bà đỡ” đối với các gia đình này. Nó không chỉ giúp cho trong mỗi gia đình, mẹ con có thể hiểu nhau, mẹ có thể dạy con, giúp giảm thiểu những những vấn đề xã hội khi đứa trẻ trưởng thành, mà còn giúp cho những đứa con, khi chọn tiếng Việt làm ngoại ngữ, thì việc học tập cũng sẽ thêm phần thuận lợi. Chính những đứa trẻ này, rất có thể, trong tương lai sẽ là một trong những nhịp cầu nối quan hệ giữa hai nước thêm phần bền chặt. Điều này, hẳn các nhà lãnh đạo Hàn Quốc đã có kinh nghiệm từ các nhà lãnh đạo Mỹ với sự tư vấn của các nhà ngôn ngữ học xã hội từ những năm 60 [6, tr. 16].

Nhu cầu cần người biết tiếng Việt lớn như thế, nhưng mỗi năm, 4 trường Đại học ở Hàn Quốc có số lượng sinh viên đầu vào chỉ là 140 em, và đầu ra có thể ít hơn một chút. Như vậy, tổng số sinh viên tốt nghiệp môn tiếng Việt hoặc ngành Việt Nam học ở các trường đại học nói trên trong 12 năm – từ 2002 đến 2014 – chỉ khoảng 1.820 người. Nếu tính thêm cả các sinh viên học tiếng Việt rải rác trong các trường đại học khác, thì con số này cũng chỉ khoảng trên dưới 2000 người. Làm một phép so sánh nhỏ, cũng có thể thấy là cung không đủ cầu, mặc dù tại Việt Nam, hàng năm đã có hàng nghìn người Hàn Quốc, trong đó có hàng trăm sinh viên, học viên Hàn, đang học tiếng Việt và Việt Nam học.

Tình hình chung của các trường đại học là những năm gần đây, tỉ lệ sinh viên ra trường tìm được việc làm ở Khoa Tiếng Việt và ngành Việt Nam học chiếm vị trí rất cao so với tỉ lệ chung của toàn trường. Ví dụ: năm 2011, tỉ lệ sinh viên trường ĐHNN Hàn Quốc tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp là 62% (trong đó đã bao gồm cả Khoa Tiếng Việt), trong khi đó, sinh viên Khoa Tiếng Việt được nhận vào làm việc chiếm 78,3%, vượt tỉ lệ chung là 16,3%. Tương tự như vậy, sinh viên ĐHNN Pusan có 46,4% tìm được việc làm thì sinh viên Khoa

Tiếng Việt có việc làm chiếm 68,1%, vượt 22,3%. Sinh viên ĐH Chungwoon 59,7 % tìm được việc làm thì sinh viên Khoa Việt Nam học chiếm 69,6%, vượt tỉ lệ chung là 9,9%⁷.

Bảng 3. Tỉ lệ SV tìm được việc làm của các khoa tiếng Việt so với tỉ lệ chung của toàn trường năm 2011

	Trường ĐHNN Hàn Quốc	Trường ĐHNN Pusan	Trường ĐH Chungwoon
Khoa	78,3%	68,7%	69,6%
Trường	62,0 %	46,4%	59,7%
Vượt tỉ lệ chung	16,3%	22,3%	9,9%

(tham khảo Daehakalimi, tác giả thực hiện)

Với tình hình chung là cung không đủ cầu như đã nói trên nên một số sinh viên tuy mới đang học năm thứ 3, thứ 4 nhưng đã được các công ty nhận vào làm việc. Các sinh viên khá, giỏi gần như chỉ cần sắp ra trường hoặc vừa ra trường, chưa kịp có tấm bằng đại học trong tay là đã có các công ty chào mời vào làm việc ngay. Đơn cử là liên tục trong các năm 2012, 2013, các sinh viên giỏi của ĐH Chungwoon đang học năm thứ 4 đã được một số công ty lớn của Hàn Quốc mời tới phỏng vấn và lập tức nhận vào làm việc với mức lương khởi điểm 25.000 USD/ năm nếu làm tại Hàn. Còn nếu sang Việt Nam thì sẽ được hưởng thêm 60%, tức là 40.000 USD/năm (trên 3.330 đô-la/tháng). Trong tình hình kinh tế thế giới đang khủng hoảng, công ăn việc làm đang khó khăn như hiện nay, và Chungwoon chưa phải là một trường đại học danh tiếng, mà sinh viên chưa ra trường đã được tuyển dụng với mức lương khởi điểm như vậy thì đó là một tín hiệu đáng mừng cho đầu ra của ngành Việt Nam học. Năm 2012, lớp năm thứ 4 của ĐH Chungwoon, 1 tháng trước khi kết thúc năm học đã có 13/21 em có việc làm, 3 em chờ kết quả phỏng

⁷ Daehakalimi (Trung tâm thông tin đại học thuộc Hội Giáo dục và Đào tạo Đại học Hàn Quốc, <http://www.academyinfo.go.kr/mainAction.do?process=load>) (Bảng 3)

vấn. Trên lớp chỉ còn 5 sinh viên tiếp tục đi học. Sau khi tốt nghiệp không lâu, tất cả đều có việc làm. Năm 2013, số sinh viên được nhận vào làm việc trước khi nhận bằng tốt nghiệp tuy có thấp hơn, nhưng không phải là do các công ty không tiếp nhận, mà chủ yếu là do các em muốn học hoàn chỉnh chương trình trước khi bước ra xã hội.

Kết quả sinh viên ra trường tìm được việc làm đã có ảnh hưởng rõ rệt đến công tác tuyển sinh. Tỷ lệ đầu vào của các khoa tiếng Việt đều đang tiếp tục tăng lên. Nhờ đó mà chất lượng ngày một được cải thiện.

Năm 2012-2013, một cuộc thăm dò nhỏ đối với sinh viên ĐHNH Hàn Quốc và ĐH Chungwoon đã được tiến hành, phần lớn các em cho biết các em chọn Khoa Tiếng Việt hay ngành Việt Nam học là do ngành này dễ kiếm việc làm. Một số em thấy ngành này có khả năng có triển vọng lớn. Lý do kế tiếp là do các em thích Việt Nam hoặc thích tiếng Việt, hay do gia đình muốn các em học khoa này. Khoảng 11 -12% là do thi vào khoa khác không đủ điểm nên xin chuyển khoa. Một số sinh viên Chungwoon chọn cùng lúc 2-3 lý do⁷. Trong số 36,6% chọn lý do vì ý muốn của gia đình thì 9,7% có thêm lý do ra trường để tìm việc làm:

Bảng 4. Lý do học Khoa Tiếng Việt/ Việt Nam học của các sinh viên

	Lý do học Khoa Tiếng Việt/ Việt Nam học	ĐHNH Hàn Quốc	ĐH Chungwoon
1	Ra trường để tìm việc làm	38,6%	40,2%
2	Thích Việt Nam hoặc thích tiếng Việt	30%	36,6%
3	Theo ý muốn của gia đình	1%	36,6%
4	Thi vào khoa khác không đủ điểm	11,4%	12,2%

Các lý do khác là vì bạn bè rủ, vì học khoa này dễ, vì các em cần có 1 tấm bằng đại học, vì có bố/

mẹ hoặc bạn thân sống ở Việt Nam, vì em thích học ngoại ngữ, vì muốn giúp đỡ những phụ nữ Việt Nam sống tại Hàn, vì khoa này có những tiêu chuẩn phù hợp với khả năng của em, v.v.. Các số liệu cho thấy tỉ lệ của mỗi lý do, sinh viên ĐHNH Hàn Quốc và ĐH Chungwoon phần lớn tương đương nhau. Chỉ nguyên nhân chọn trường vì gia đình là chênh lệch nhau rất lớn. Có lẽ các sinh viên giỏi thường có tính độc lập cao, ít phụ thuộc ý kiến của cha mẹ.

Tại ĐH Chungwoon, 86% sinh viên trả lời khi ra trường muốn làm việc tại Hàn Quốc, trong đó, 49% muốn được làm công việc có liên quan tới chuyên môn Việt Nam học. Số còn lại thì cho rằng công việc có liên quan hay không liên quan đến Việt Nam cũng không quan trọng, miễn là có việc làm. 14% muốn làm việc tại Việt Nam. Tại ĐHNH Hàn Quốc, 84% muốn làm việc tại Hàn, trong đó 57% cho rằng làm ở công ty có liên quan đến Việt Nam hay không cũng không quan trọng. 16% muốn làm việc tại Việt Nam.

Phần lớn sinh viên cho biết mặc dù nguyện vọng của các em là làm việc ở Hàn Quốc, nhưng trong thời buổi kinh tế khó khăn, sự cạnh tranh khá gay gắt như hiện nay, thì nếu có việc làm và được cử sang Việt Nam, các em vẫn rất sẵn sàng. Vì quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam đang ngày càng tốt đẹp, Việt Nam là một nước đang phát triển, với dân số 90 triệu người⁸, nên đây sẽ là một thị trường đầy tiềm năng. Hơn nữa, nếu các em sang Việt Nam thì luôn được các công ty cho hưởng chế độ lương ưu đãi.

Với uy tín của nhà trường, các sinh viên ĐH Ngoại ngữ Hàn Quốc khi tốt nghiệp, thường làm việc ở cơ quan chính phủ, làm trong ngành ngoại giao, báo chí, truyền hình, giảng dạy ở các trường đại học, trung học, làm việc ở các ngân hàng hay các tập đoàn lớn như Samsung, LG, Postco, Hyun Dae, Lotte, Imark, CJ, v.v.. Các sinh viên ĐH Ngoại ngữ Pusan, khoảng 70% sau khi tốt nghiệp làm việc ở các tập đoàn, các công ty đang đầu tư vào Việt Nam, các nhà máy công nghiệp nhẹ, chủ

⁷ Một số sinh viên ĐH Chungwoon chọn 2, 3 lý do nên tỉ lệ phần trăm trong <Bảng 4> vượt hơn 100%.

⁸ Tổng cục Thống kê Việt Nam (<http://www.gso.gov.vn>)

yếu là cho các ngành may mặc, giày da... Một số làm cho công an đối ngoại, phòng xuất nhập cảnh, làm ở cơ quan ngoại giao, đại sứ quán, lãnh sự quán hay làm cho tập đoàn Samsung, Posco, Daekwang, Hansol... Một số nữa thì làm cho các công ty vừa và nhỏ. Các sinh viên ĐH Chungwoon thì thường làm cho các công ty vừa và nhỏ đang đầu tư vào Việt Nam, một số làm cho Posco và Dorco... Có thể nói, cánh cửa đầu ra của các Khoa Tiếng Việt và Việt Nam học ở Hàn Quốc hiện nay đang rộng mở.

3. Kết luận

Việt Nam hiện đang chủ trương phát triển và hội nhập bền vững với các nước trong khu vực và với thế giới. Quan hệ hợp tác hữu nghị Việt - Hàn hiện đang phát triển mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực với tư cách là đối tác hợp tác chiến lược. Tiếng Việt, trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa, là nhịp cầu không thể thiếu góp phần thúc đẩy mối quan hệ này ngày thêm khăng khít. Cùng với quan hệ kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao đang ngày càng được đẩy mạnh, tiếng Việt đang ngày càng được coi trọng trên đất nước Hàn. Trong tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới, việc đào tạo tiếng Việt tại một số quốc gia như Pháp, Úc, Trung Quốc... đang rơi vào cảnh sa sút, khó khăn⁹, thì việc đào tạo tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc giờ đây lại đang được

Chính phủ và Bộ Giáo dục Hàn Quốc quan tâm thúc đẩy mạnh và là một bức tranh mang màu sắc lạc quan. Bộ Giáo dục Hàn Quốc đã ra chủ trương từ năm 2014, tiếng Việt là một trong những ngoại ngữ thứ hai thi vào đại học, bên cạnh tiếng Đức, Pháp, Nhật, Nga, Tây Ban Nha, Trung Quốc, và Ả Rập. Chủ trương này đã trao cho tiếng Việt những cơ hội và triển vọng mới.

Sự phát triển quan hệ giữa hai nước là động lực thúc đẩy ngành Việt Nam học phát triển ngày càng mạnh ở Hàn, và hứa hẹn một tương lai tươi sáng cho bộ môn tiếng Việt và ngành Việt Nam học. Vị trí tiếng Việt đã được nâng cao.

Trên đây là một vài nét phác họa của chúng tôi. Bài viết của chúng tôi mới chỉ dừng ở cấp độ miêu tả, cung cấp thông tin. Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chưa có cơ hội tiếp xúc với các nhà tuyển dụng để có thêm chi tiết về yêu cầu của họ đối với ngành Tiếng Việt và Việt Nam học, cũng như chưa khảo sát kỹ tình hình xuất bản giáo trình tiếng Việt tại Hàn. Chúng tôi hy vọng bài viết này sẽ là một tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý giáo dục hay hoạch định chính sách của Việt Nam và Hàn Quốc trong những chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tăng cường hợp tác giữa hai quốc gia.

⁹ Theo báo cáo của PGS.TS Hàm Man Tuyết, ĐH Bắc Kinh, Trung Quốc “Định hướng phát triển đào tạo Việt Nam học ở Đại học Bắc Kinh”, và TS. Thái Duy Bảo (ĐH Quốc gia Úc), “Việt Nam học và việc giảng dạy tiếng Việt ở Úc, thực trạng và triển vọng”, cùng các phát biểu của họ và ý kiến phát biểu của TS. Nguyễn Thị Hiệp, giáo sư dạy tiếng Việt tại ĐH Paris 7 (Pháp) tại tiểu ban 12, Hội thảo Quốc tế “Việt Nam học lần thứ IV”, Hà Nội (26-28/11/2012). Các bài báo cáo trên hiện chưa được in toàn văn.

The reality of Vietnamese language teaching and Vietnamese Studies education in Korea

• **Le Thi Hong Minh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Over 20 years of Korea-Vietnam relationship, Korea has become the biggest investor in Vietnam, and Vietnam the forth on the list of Korea's most important partners. There are over 135,000 Koreans living in Vietnam and out of 123,000 Vietnamese living and working in Korea, there are 40,000 Vietnamese wives to Korean husbands. Currently, in Korea there are 4 universities that have faculties or departments of the Vietnamese language or of Vietnamese Studies, with a large number of alumni who have successfully found jobs. Demand is

higher than supply capacity. Vietnamese proficiency is not only essential to Koreans living and working in Vietnam and Korea-based companies with Vietnamese employees but also will be valuable to children of thousands of Korean-Vietnamese families in the coming years. The Ministry of Education of Korea has just announced a policy stating that the Vietnamese language will be one of the eight second languages in the national university entrance examination, which will bring to Vietnamese language teaching new opportunities and prospects.

Keywords: *teach, the Vietnamese language, in Korea, need, prospects*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Daehakalimi (Trung tâm thông tin đại học thuộc Hội Giáo dục và đào tạo đại học Hàn Quốc, <http://www.academyinfo.go.kr/mainAction.do?process=load>).
- [2]. Homepage của Trường Đại học Chungwoon (<http://www.chungwoon.ac.kr/>).
- [3]. Homepage của Trường Đại học Ngoại ngữ Pusan (http://www.pufs.ac.kr/html/00_main/).
- [4]. Homepage của Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (<http://www.hufs.ac.kr/>).
- [5]. Kim Ki Tae(1996), *Về việc dạy và học tiếng Việt tại Hàn Quốc*, Tạp chí “Ngôn ngữ”, số 2 /1996, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia – Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, tr.60-62.
- [6]. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội – Những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- [7]. Nguyễn Văn Phúc, Song Jeong Nam (2006), *Tiếng Việt và Việt Nam học tại Hàn Quốc*, Kỷ yếu hội thảo Việt Nam học và tiếng Việt, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 362 - 377.
- [8]. Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online (<http://www.thesaigontimes.vn/epaper2010/TB-KTSG/>), số ra ngày 6/6/2012.
- [9]. Tổng cục Thống kê Việt Nam (<http://www.gso.gov.vn>).